

Số: **72**/QĐ-LQĐ

Bình Sơn, ngày **24** tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 4467/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2024 của Giám đốc Sở GD và ĐT Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ thuyết minh dự toán thu, chi NSNN năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thi - chi 9 tháng đầu năm 2025

Xét đề nghị của kế toán trường THPT Lê Quý Đôn về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai:

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực;
- Hình thức công khai: đăng tải trên Website đơn vị, niêm yết bản tin phòng hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn.
- Địa điểm công khai: Trường THPT Lê Quý Đôn;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ trưởng tổ hành chính, kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD và ĐT (b/cáo)
- HT, P.HT
- Thông báo ở bản tin phòng HĐ;
- Websibe trường
- Lưu :VT, KT



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Chấn Thi

TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
9 tháng đầu năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)
(Kèm theo Quyết định số 72/QĐ-LQĐ ngày 24 / 10 / 2025 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn)

ĐV tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.303.000.000	479.600.000	37	
1	Học phí	1.303.000.000	479.600.000	37	
2	Lệ phí				
3	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.303.000.000	585.800.329	45	
1	Chi sự nghiệp	1.303.000.000	585.800.329	45	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.303.000.000	585.800.329	45	
	Tiền lương, phụ cấp lương	521.200.000	83.539.593	16	
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	65.820.800		-	
	Phúc lợi tập thể	10.000.000	1.996.000	20	
	Vật tư văn phòng	100.000.000	58.512.000	59	
	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	2.100.000		-	
	Công tác phí	70.000.000	46.961.000	67	
	Chi phí thuê mướn	135.000.000	103.390.000	77	
	Sửa chữa thường xuyên	160.000.000	122.465.040	77	
	Nghị vụ chuyên môn	88.000.000	80.641.488	92	
	Chi khác	50.879.200	11.550.000	23	
	Mua sắm TSCĐ hữu hình	30.000.000	16.000.000	53	
	Mua sắm TSCĐ vô hình	20.000.000	15.000.000	75	
	Chi công tác Đảng	50.000.000	45.745.208	91	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0			
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.840.000.000	14.708.802.448	71	



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.840.000.000	14.708.802.448	71	
1	Chi quản lý hành chính				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.840.000.000	14.708.802.448	71	-
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20.481.000.000	14.572.668.846	71	
6000	Tiền lương	10.267.855.469	7.580.734.545	74	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	200.000.000	138.342.400	69	
6100	Phụ cấp lương	4.922.356.749	3.938.013.834	80	
6200	Khen thưởng	90.000.000	80.262.000	89	
6250	Phúc lợi tập thể	38.400.000	7.789.390	20	
6300	Các khoản đóng góp	2.788.586.782	2.100.344.286	75	
6400	Các khoản thanh toán cho cá nhân	81.081.000	40.294.800	50	
6500	Dịch vụ công cộng	156.000.000	69.173.335	44	
6550	Vật tư văn phòng	150.000.000	112.874.246	75	
6600	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	22.800.000	13.725.760	60	
6700	Công tác phí	170.000.000	123.760.000	73	
6750	Chi phí thuê mướn	110.000.000	35.800.000	33	
6900	Sửa chữa thường xuyên	250.000.000	93.101.000	37	
7000	Nhiệm vụ chuyên môn	1.075.085.000	206.863.250	19	
6950	Mua sắm TSCĐ hữu hình	46.000.000	-	-	
7750	Chi khác	70.715.000	-	-	
7850	Chi công tác Đảng	42.120.000	31.590.000	75	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	359.000.000	136.133.602	38	
	Miễn giảm học phí và HTCPHT theo NĐ 81/2021	57.000.000	38.625.000	68	
	Chế độ học sinh theo Nghị định 116/2016	52.000.000	-	-	
	Chế độ học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	50.000.000	-	-	
	Phụ cấp dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012	200.000.000	97.508.602	-	
	Kinh phí cải tạo, nâng cấp sửa chữa CSVC		-	-	

